

Bản án số 28 /2024/HSST

Ngày: 26 /4/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Ông Bùi Khắc Thái

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/HS-ST ngày 06/02/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/HSST-QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Tổng Thị H**; Tên gọi khác: (Không); sinh năm 1998; tại: **Huyện N, tỉnh Ninh Bình**; Nơi cư trú: **Thôn V, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: **Làm ruộng**; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Tổng Văn T**; con bà: **Trịnh Thị T1**; Có chồng: **Nguyễn Văn P**; 03 con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt).

2.2. Bị hại:

- Chị **Tổng Thị H1** – sinh năm 2000

Địa chỉ: **Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình** (Vắng mặt)

-Người đại diện theo ủy quyền của bị hại là ông **Tổng Văn T2** sinh năm 1963; Địa chỉ: **Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình** (Có mặt)

2.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Chị **Tổng Thị C** – sinh năm 1997; Địa chỉ: **Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình**

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan* là ông **Tổng Văn T2** sinh năm 1963; Địa chỉ: **Thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình**. (Có mặt)

2.3. Người làm chứng:

- Anh **Nguyễn Văn T3** – sinh năm 1973; (Vắng mặt)
- Anh **Nguyễn Xuân N** – sinh năm 1998; (Vắng mặt)
- Chị **Nguyễn Thị T4** – sinh năm 1973; (Vắng mặt)
- Anh **Phan Thanh T5** – sinh năm 1997; (Vắng mặt)
- Chị **Nguyễn Thị C1** – sinh năm 1965; (Vắng mặt)
- Anh **Tổng Văn T2** – sinh năm 1963; (Có mặt)
- Anh **Tổng Văn T** – sinh năm 1963; (Có mặt)
- Anh **Nguyễn Văn P** – sinh năm 1989; (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tổng Thị H và chị **Tổng Thị H1**, sinh năm 2000 hiện trú tại **thôn X, xã Q, huyện N** có mối quan hệ là chị em họ. Trong đó, **Tổng Thị H** là con gái của ông **Tổng Văn T**, sinh năm 1963 và bà **Trịnh Thị T1** sinh năm 1966 đều trú tại **thôn C, xã P, huyện N**; còn chị **Tổng Thị H1** là con gái của ông **Tổng Văn T2**, sinh năm 1963 và bà **Nguyễn Thị C1** sinh năm 1965, trú tại **thôn C, xã P, huyện N**. Ông **T** là anh trai ruột của ông **T2**, gia đình ông **T** và ông **T2** ở cùng trên mảnh đất do bố mẹ các ông trên để lại.

Vào chiều ngày 04/7/2023, gia đình ông **Tổng Văn T2** dựng rạp tại sân nhà mình và cả khu vực sân Nhà thờ gia đình họ **T6** (*là phần đất đang diễn ra tranh chấp giữa gia đình ông T2 và gia đình ông T*) để chuẩn bị tổ chức đám cưới cho chị **Tổng Thị H1** vào ngày 07/7/2023. Trong khi đang dựng rạp thì giữa vợ chồng ông **T**, bà **T1** đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau với vợ chồng ông **T2**, bà **C1** vì gia đình ông **T** thấy việc dựng rạp cưới chẵn lối đi vào nhà ông **T**. Trong khi các ông bà trên đôi co cãi nhau, chị **Tổng Thị H1** đã lấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu Gold (màu vàng) của mình để quay lại sự việc.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, **Tổng Thị H** cùng chồng là anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1989 trú tại **thôn V, xã S, huyện N** đi đến nhà ông **Tổng Văn T** để đón con trai là cháu **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm 2022 đang gửi ở đây. Khi đến nơi, **Tổng Thị H** thấy chị **H1** đang sử dụng điện thoại quay việc hai gia đình cãi

nhau nên H đã nói với chị H1: “Con kia, mày có thích quay không, mày có tin tao đập tan điện thoại của mày ra không?”. Ngay sau đó, H xông đến đứng đối diện trước mặt chị H1, cách chị H1 khoảng 01 mét, H đã sử dụng tay phải của mình đập mạnh 01 nhát theo chiều hướng từ phải qua trái, từ trên xuống dưới trúng vào chiếc điện thoại của chị H1 đang cầm trên tay phải làm cho chiếc điện thoại của chị H1 bị rơi xuống sân nền bê tông và bị vỡ hư hỏng. Sau đó H và chị H1 lao vào giằng co nhau, quá trình xô sát chị H1 bị thương xây sát da nhẹ ở vùng khoe mắt bên phải.

Trong khi xô sát với H, chị H1 hô lên: “Chị C ơi, con H nó đánh em”. Lúc này chị Tổng Thị C sinh năm 1997, hiện trú tại thôn C, xã P, huyện N (là chị gái chị H1) trong nhà ông T2 đi ra thì chị H1 bỏ vào nhà ông T2, còn chị C đi ra giằng co với Tổng Thị H. Lúc này trên tay phải của chị C đang cầm 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng nên khi xô sát với H chị C có dơ tay lên đỡ thì cánh tay của H (không rõ tay nào) đã chạm vào cánh tay phải của chị C đang cầm điện thoại, chị C tuột tay rơi chiếc điện thoại của mình xuống nền bê tông và bị vỡ hư hỏng.

Sau đó, các anh Nguyễn Văn P và anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973 trú tại thôn C, xã P, huyện N (là Phó thôn C, phụ trách an ninh trật tự) đang có mặt tại đây đã đi đến can ngăn nên hai bên không tiếp tục xô sát nữa.

Ngay sau đó, anh Nguyễn Văn T3 đã báo tin cho Công an xã P, huyện N đến giải quyết và lập biên bản vụ việc. Công an xã P, huyện N thu giữ tại hiện trường: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu Gold (màu vàng) của chị Tổng Thị H1 và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng của chị Tổng Thị C bị hư hỏng như đã nêu và được niêm phong theo quy định của pháp luật. Công an xã P, huyện N đã tiến hành kiểm tra và sao chép dữ liệu chứa trong điện thoại 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu Gold (màu vàng) của chị Tổng Thị H1 ghi lại diễn biến vụ việc vào 01 USB dung lượng 8G.

Đến ngày 12/7/2023, Công an xã P, huyện N đã chuyển toàn bộ hồ sơ tài liệu, tài sản có liên quan đến Cơ quan CSĐT Công an huyện N để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã ra văn bản yêu cầu định giá tài sản gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N để xác định giá trị thiệt hại đối với 02 chiếc điện thoại bị hư hỏng của chị Tổng Thị H1 và chị Tổng Thị C, kết quả:

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: - 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu Gold (màu vàng) của chị Tổng Thị H1 trước khi bị hư hỏng trị giá 5.000.000 đồng; giá trị bị hư hỏng thiệt hại trị giá 4.200.000 đồng, giá trị còn lại là 800.000 đồng.

- 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng (đã qua sử dụng) của chị **Tổng Thị C**, trước khi bị hư hỏng trị giá 4.500.000 đồng; giá trị bị hư hỏng thiệt hại trị giá 4.000.000 đồng, giá trị còn lại là 500.000 đồng.

Sau khi xô xát với **H**, chị **Tổng Thị H1** bị thương nhẹ đã đến khám tại **Bệnh viện đa khoa huyện N** từ tối ngày 04/7/2023 đến ngày 06/7/2023 thì xuất viện. Ngày 01/8/2023, chị **H1** có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đề nghị giám định pháp y về thương tích.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 112/KLTTCT-TTPY ngày 17/8/2023 của Trung tâm pháp y - Sở Y kết luận:
*“Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Tổng Thị H1**, sinh năm 2000 tại thời điểm giám định là: 00% (Không phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư”.*

Sau khi có kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã thông báo cho chị **Tổng Thị H1** theo đúng quy định, chị **H1** đồng ý với kết quả này và không có ý kiến thắc mắc hoặc yêu cầu gì khác về kết quả giám định.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã ra quyết định trưng cầu giám định **Phòng K1 Công an tỉnh N** để giám định kỹ thuật số và điện tử đối với dữ liệu điện tử do **Công an xã P** trích xuất dữ liệu hình ảnh từ điện thoại iphone XS của chị **Tổng Thị H1** nêu trên.

Tại Bản kết luận giám định số 734/KL-KTHS-KTS&ĐT ngày 13/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh N kết luận:

“Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong tệp tin video lưu trữ trong USB gửi giám định”

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã lập biên bản yêu cầu bị cáo **Tổng Thị H** thực hiện lại hành vi mà **H** đã hành động để làm hư hỏng đối với chiếc điện thoại của chị **Tổng Thị H1**, kết quả: **H** đã thực hiện lại chi tiết hành vi của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo **Tổng Thị H** đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSNQ-HS ngày 05/2/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan đã truy tố bị cáo **Tổng Thị H** ra trước Tòa án nhân dân huyện Nho Quan để xét xử về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo **Tổng Thị H** và đề nghị: Tuyên bố bị cáo **Tổng Thị H** phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ Luật Hình sự năm 2015 xử phạt: bị cáo **Tổng Thị H** 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ thời hạn tính từ ngày cơ quan thi hành án cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo **Tổng Thị H** cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Khấu trừ 5% đến 7% thu nhập hàng tháng của bị cáo **Tổng Thị H** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326 của UBTVQH. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý nội dung cáo trạng, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo được xử phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện N**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện N**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo **Tổng Thị H** đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cũng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ về thời gian, địa điểm, loại tài sản và giá trị tài sản mà bị cáo đã cố ý làm hư hỏng tài sản nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 16

giờ 30 phút, ngày 04/7/2023 tại thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Xuất phát từ việc chị **Tổng Thị H1** sử dụng chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng của mình để quay lại việc cãi nhau bố mẹ chị **H1** và bố mẹ của **H** nên **Tổng Thị H** bức tức và đã có hành vi sử dụng tay phải nhằm đập mạnh 01 nhát trứng vào chiếc điện trên của chị **H1** đang cầm ở tay phải, làm cho chiếc điện thoại rơi xuống nền bê tông và bị hư hỏng thiệt hại trị giá 4.200.000 đồng.

Từ những hành vi và chứng cứ nêu trên đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo **Tổng Thị H** đã phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 178: Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản:

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....
Hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp làm hư hỏng tài sản của chị **Tổng Thị H1** đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những thể hiện vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo **Tổng Thị H** quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa lần nào phạm tội nên bị cáo hưởng tình tiết “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, quá trình điều tra, bị cáo **H** đã bồi thường cho chị **Tổng Thị H1** số tiền 4.200.000 đồng. Ngoài ra bị cáo là phụ nữ còn nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại đã xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có

- Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với bị cáo là đủ giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra đến nay, bị cáo **Tổng Thị H** đã bồi thường cho chị **Tổng Thị H1** số tiền 4.200.000 đồng, đây là toàn bộ giá trị thiệt hại của chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng của chị **H1** do bị cáo **H** gây ra. Trước khi xét xử chị **Tổng Thị H1** có đơn yêu cầu bị cáo **Tổng Thị H** phải bồi thường chiếc điện thoại bị vỡ của mình là 12.900.000 đ như giá trị ban đầu của chiếc điện thoại tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại đã rút yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại bị vỡ là 12.900.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone X, màu trắng của chị **Tổng Thị C** bị hư hỏng trong khi **H** và chị **C** xô sát. Mặc dù bị cáo **Tổng Thị H** không cố ý, không có hành vi đập vào chiếc điện thoại để làm hư hỏng. Tuy nhiên bị cáo vẫn tự nguyện bồi thường cho chị **C** số tiền 4.000.000 đồng theo như kết luận định giá tài sản. Trước khi xét xử chị **Tổng Thị C** có đơn đề nghị yêu cầu bị cáo **Tổng Thị H** phải bồi thường chiếc điện thoại bị vỡ của mình là 10.000.000 đồng như giá trị ban đầu của chiếc điện thoại tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã rút yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại bị vỡ là 10.000.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Đối với việc chị **Tổng Thị H1** bị thương nằm viện điều trị từ ngày 04/7/2023 đến 06/7/2023 (quá trình chị **H1** nằm viện điều trị, chồng chị **H1** là anh **Nguyễn Văn T7** sinh năm 2000 trú tại **thôn X, xã Q, huyện N** chăm sóc). Đến nay, chị **H1**, anh **T7** đề nghị **Tổng Thị H** bồi thường theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị hại đã không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà chị **Tổng Thị H1** đã nằm viện điều trị và tiền công chăm sóc của anh **Nguyễn Văn T7** và không yêu cầu gì thêm.

[6] Các vấn đề khác và xử lý vật chứng:

Đối với: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone XS, màu vàng của chị **Tổng Thị H1** và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng của chị **Tổng Thị C**. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện N** đã trả lại cho các chị **Tổng Thị H1** và **Tổng Thị C** theo đúng quy định.

Trong vụ án này, việc **Tổng Thị H** và **Tổng Thị C** có va chạm làm chiếc điện thoại di động của chị **C** bị hư hỏng. Nguyên nhân lỗi do chị **C** có hành vi lao vào giằng co, đánh **H** trước dẫn đến chiếc điện thoại của chị **C** đang cầm trên tay bị rơi vỡ. **Tổng Thị H** không có hành vi cố ý gây thiệt hại đến tài sản của chị **C** nên hành vi của **Tổng Thị H** không cấu thành tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản theo Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo: **Tổng Thị H** phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

2. Xử phạt: bị cáo **Tổng Thị H** 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo **Tổng Thị H** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) theo quy định.

4. Án xử công khai, bị cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND- H. Nho Quan;
- Bị cáo;
- VKSND tỉnh NB;
- Công an H. Nho Quan;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại
- NQL NVLQ
- Thi hành án dân sự H. NQ;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

Lâm Thị Thanh Nhàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm thị T8

